

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HS-ST

Ngày 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huê.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lưu Huyền N, sinh năm 1985 tại Hà Nam; nơi cư trú: Số nhà 27.2, hẻm 33, ngách 23, ngõ 58 phố TB, tổ 24, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Ngọc H và bà Nguyễn Thị P; chồng: Lê Anh T (đã ly hôn); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Trần Thị T, sinh năm 1990 tại Hà Nam; nơi cư trú: thôn CG, thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đăng L và bà Trần Thị B (đều đã chết); có chồng là Dương Văn C, sinh năm 1984; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Đào Bá C, sinh năm 1986 tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã NH, huyện CM, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số nhà 313 đường THĐ, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Bá H và bà Lê Thị Y; có vợ là Lê Thị N, sinh năm 1987; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Bá C là: Ông Phan Kế Hiền và ông Đặng Văn Thành - Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; nơi làm việc: Công ty Luật TNHH Bảo Tín; địa chỉ: Phòng 5A, tầng P, Tòa nhà Thăng Long Tower, số 33, đường Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.*

1. Công ty TNHH thương mại Tuấn N; địa chỉ trụ sở: Khu đô thị mới Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Huyền N; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Hưng Đạo, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Ông Lại Xuân H; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

3. Công ty Cổ phần môi trường Thanh Thủy; địa chỉ trụ sở: Thôn Thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế P; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

4. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bùi Gia; địa chỉ trụ sở: Xóm 14, thôn Đanh Xá, xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức T; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

5. Công ty TNHH thương mại Quân N; địa chỉ trụ sở: Khu đô thị mới Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc H; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; trú tại: Tổ dân phố ĐA, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Quỳnh H, sinh năm 1997; trú tại: Số 19, ngõ 180 SH, phường VM, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

8. Chị Trương Thị Phương T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn BT, xã LT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH thương mại Tuấn N do Lưu Huyền N làm giám đốc. Trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh, do một số mặt hàng hoá dịch vụ đã bán lẻ cho khách hàng cá nhân mà họ không lấy hoá đơn và một số công trình thi công thực tế nhưng chưa đủ điều kiện nghiệm thu nên chưa xuất được hoá đơn dẫn đến đầu ra của những hàng hoá dịch vụ đó còn thừa. Một số công ty có nhu cầu mua hoá đơn để phục vụ việc kê khai hàng hoá dịch vụ đầu vào nên N đã xuất các hoá đơn của công ty TNHH thương mại Tuấn N bán cho các công ty đó và thu về số tiền tương ứng với số thuế giá trị gia tăng phải nộp vào ngân sách nhà nước là 10% đối với các hàng hoá vật liệu xây dựng, 8% đối với các loại cước vận chuyển, nhân công để thu lợi. Sau đó, N sử dụng các hóa đơn này để kê khai nguồn hàng hoá dịch vụ bán ra và lấy số tiền thuế giá trị gia tăng của các hoá đơn

đã bán đó nộp vào ngân sách Nhà nước để được đối trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào. Quá trình điều tra xác định N cùng Trần Thị T (là nhân viên của công ty TNHH thương mại Tuấn N) đã bán khống hoá đơn cho các công ty như sau:

- Công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68 thực hiện nhiều công trình, nhưng không có hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn hàng hoá dịch vụ đầu vào phục vụ kê khai thuế nên chị Nguyễn Thị H (là kế toán của công ty) đã liên hệ với Trần Thị T để mua 05 hoá đơn giá trị gia tăng của công ty TNHH thương mại Tuấn N. Để thanh toán đối với số hoá đơn này, chị Nguyễn Thị H đã làm các chứng từ chuyển tiền thanh toán từ tài khoản của công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68 vào tài khoản của công ty TNHH thương mại Tuấn N. Sau khi nhận được tiền do công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68 chuyển, Lưu Huyền N đã giao Nguyễn Quỳnh H (là kế toán công ty TNHH thương mại Tuấn N) rút toàn bộ số tiền đó ra và chuyển cho Trần Thị T để chuyển lại cho Nguyễn Thị H. Sau khi nhận được các hoá đơn, Nguyễn Thị H đã thực hiện việc chuyển tiền mua hóa đơn (từ 8-10%) cho Trần Thị T. Số tiền này Trần Thị T đã chuyển toàn bộ cho Lưu Huyền N.

Các hóa đơn công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68 đã sử dụng để kê khai thuế các quý 3, quý 4 năm 2022. Tổng số tiền mà Lưu Huyền N đã thu lời bất chính từ 05 hoá đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung bán ra cho công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68 là 242.306.180 đồng.

- Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy tiến hành xây dựng, cải tạo các hạng mục trong nội bộ công ty phục vụ xử lý rác thải. Toàn bộ công việc liên quan đến xây dựng tại công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy do Đào Bá C (là trưởng phòng xây dựng) thực hiện. Đào Bá C tự thuê nhân công từ các tổ thợ tự do xung quanh khu vực công ty, mua vật liệu từ các đại lý, cửa hàng bán vật liệu xây dựng nhỏ lẻ để phục vụ xây dựng nên không có các hoá đơn chứng từ để phục vụ kê khai, quyết toán các chi phí của công ty. Sau khi thi công xong công trình, C tính tiền thuê công thợ, tiền vật tư rồi soạn đề nghị thanh toán với công ty. C đã liên hệ với Trần Thị T để nhờ T liên hệ với Công ty TNHH thương mại Tuấn N xuất bán các hoá đơn cho công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy với khối lượng hàng hoá dịch vụ tương ứng với hàng hoá dịch vụ đã sử dụng. T báo cáo Lưu Huyền N và được N đồng ý. C lập bản dự thảo hợp đồng ghi sẵn các nội dung chuyển cho T để T báo công ty TNHH thương mại Tuấn N làm các chứng từ và xuất hoá đơn. Sau khi công ty TNHH thương mại Tuấn N xuất hoá đơn cho công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy, C làm thủ tục chuyển tiền thanh toán cho công ty TNHH thương mại Tuấn N. Sau đó, nhân viên công ty TNHH thương mại Tuấn N rút tiền, chuyển cho N và N đưa lại cho T để chuyển khoản trả lại cho C sau khi đã trừ đi số tiền mua hoá đơn bằng số thuế giá trị gia tăng ghi trên mỗi hoá đơn. Các hoá đơn này đã được công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy đưa vào kê khai tại các kỳ tính thuế của năm 2021, 2022. Công ty TNHH thương mại Tuấn N đã bán cho công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy gồm 13 hóa đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung. Tổng số tiền mà Lưu Huyền N đã thu lời bất chính từ 13 hoá đơn GTGT bán ra cho công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy là 60.112.020 đồng.

- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bùi Gia (gọi tắt là công ty Bùi Gia) do anh Bùi Đức T là giám đốc. Anh Bùi Đức T trực tiếp liên hệ với Lưu Huyền N để hợp đồng thuê nhân công thi công công trình sơn vạch kẻ đường tại UBND huyện Thanh Liêm và UBND thành phố Phủ Lý mà công ty Bùi Gia đã nhận thầu. Khi đến thời gian cần bố trí nhân công nhưng công ty TNHH thương mại Tuấn N không bố trí được nhân công nên anh Bùi Đức T đã thuê tổ thợ của anh Thiệu Quỳnh trực tiếp thi công. Sau khi nhóm thợ của anh Quỳnh thi công xong, anh T thanh toán tiền công cho anh Quỳnh nhưng vì nhóm thợ của anh Quỳnh không xuất được hóa đơn thanh toán nên anh T đã liên hệ với Lưu Huyền N để công ty TNHH thương mại Tuấn N xuất các hoá đơn giá trị gia tăng với giá trị hàng hoá dịch vụ tương ứng phục vụ kê khai hàng hoá dịch vụ đầu vào của công ty đối với các công trình trên. Để làm thủ tục thanh toán đối với những hoá đơn này, anh T đã thực hiện chuyển khoản số tiền bằng toàn bộ giá trị hoá đơn vào tài khoản của công ty TNHH thương mại Tuấn N. Sau đó N chỉ đạo Nguyễn Quỳnh H rút tiền đưa cho Trương Thị Phương T (là nhân viên công ty TNHH thương mại Tuấn N) để chuyển trả lại cho anh T. Việc thanh toán tiền mua hoá đơn bằng số tiền thuế giá trị gia tăng đã ghi trên các hoá đơn được anh T trực tiếp trả bằng tiền mặt cho N. Công ty TNHH thương mại Tuấn N đã bán cho công ty Bùi Gia 02 hóa đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung. Các hoá đơn này đã được công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bùi Gia đưa vào kê khai tại các kỳ tính thuế của năm 2022. Tổng số tiền mà Lưu Huyền N đã thu lời bất chính từ 02 hoá đơn giá trị gia tăng bán ra cho công ty Bùi Gia là 7.788.109 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Lưu Huyền N đã thu lời bất chính từ các hoá đơn giá trị gia tăng bán ra cho 03 công ty trên là: 242.306.180 đồng + 60.112.020 đồng + 7.788.109 đồng = 310.206.309 đồng.

* Vật chứng, tài sản thu giữ gồm:

- 01 hộp dấu khi đóng ra dấu màu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Quân N”; 01 hộp dấu khi đóng ra dấu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Ngọc Hưng”; 01 hộp dấu khi đóng ra dấu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại XNK Tuấn N”; 01 hộp dấu khi đóng ra dấu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Tuấn N”; 01 hộp dấu khi đóng ra dấu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Huyền N”; 01 hộp dấu khi đóng ra dấu đỏ có thông tin “Bán hàng qua điện thoại”; 01 bộ máy tính để bàn gồm 01 cây máy tính màu đen ghi chữ Orient và 01 màn hình nhãn hiệu Samsung; 01 máy in nhãn hiệu Canon đã qua sử dụng.

- Số tiền 310.206.000 đồng do Lưu Huyền N giao nộp.

- 20 tờ hóa đơn giá trị gia tăng mà công ty TNHH thương mại Tuấn N đã bán cho công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68, Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy và công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Bùi Gia.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKS-PL ngày 09/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo: Lưu Huyền N và Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; Đào Bá C về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Lưu Huyền N, Trần Thị T, Đào Bá C phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 203 (đối với bị cáo C); điểm đ khoản 2 Điều 203 (đối với bị cáo N và T); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 (đối với tất cả các bị cáo); điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo N); điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo C); khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo T) của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Lưu Huyền N từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Nguyễn Thị T từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Đào Bá C từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 bộ máy tính để bàn gồm 01 cây máy tính màu đen ghi chữ Orient và 01 màn hình nhãn hiệu Samsung; 01 máy in nhãn hiệu Canon đã qua sử dụng và số tiền 310.206.309 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại XNK Tuấn N”.

Trả lại Lưu Huyền N là đại diện cho Công ty TNHH thương mại Tuấn N: 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Tuấn N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Huyền N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Bán hàng qua điện thoại”.

Trả lại ông Lưu Ngọc H là đại diện cho Công ty TNHH Thương mại Quân N: 01 hộp dầu khi đóng ra dầu màu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Quân N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Ngọc H”.

Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án 20 hóa đơn giá trị gia tăng làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đào Bá C có quan điểm: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố đối với bị cáo Đào Bá C. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, bị cáo C là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo phải nuôi bà nội, bố mẹ già và ba con nhỏ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Thế P là đại diện cho Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy có ý kiến: Việc Đào Bá C liên hệ mua 13 hóa đơn giá trị gia tăng có ghi nội dung nhằm kê khai, quyết toán các chi phí với công ty ông hoàn toàn không biết. Nay ông đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Lưu Huyền N đại diện cho Công ty TNHH thương mại Tuấn N có quan điểm: Sau khi xảy ra sự việc, công ty có bị thu giữ một số con dấu nên ảnh hưởng đến việc hoạt động của công ty, đề nghị được nhận lại một số con dấu để công ty tiếp tục hoạt động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ cũng như đại diện của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Năm 2021, 2022 do còn thừa đầu ra của một số hàng hóa dịch vụ của công ty TNHH thương mại Tuấn N, địa chỉ khu đô thị Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý nên Lưu Huyền N (là giám đốc công ty TNHH thương mại Tuấn N) cùng Trần Thị T (nhân viên công ty TNHH thương mại Tuấn N) đã bán trái phép 20 hóa đơn có ghi nội dung nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo (trong đó N trực tiếp bán 02 hóa đơn cho công ty Bùi Gia thu lời bất chính 7.788.109 đồng; T bán trái phép 05 hóa đơn cho công ty TNHH thương mại Hưng Thịnh 68 để N thu lời bất chính 242.306.180 đồng và 13 hóa đơn cho Đào Bá C để N thu lời bất chính 60.112.020 đồng). Tổng

số tiền Lưu Huyền N thu lời bất chính đối với tiền thuế giá trị gia tăng bán ra từ các hóa đơn là 310.206.309 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo Lưu Huyền N và Trần Thị T đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Đào Bá C đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lưu Huyền N có vai trò vừa là người chỉ đạo vừa là người thực hành nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Trần Thị T đồng phạm với vai trò là người giúp sức; bị cáo Đào Bá C đồng phạm với vai trò là người thực hành.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo Đào Bá C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo C là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Lưu Huyền N tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, có ông nội là Liệt sỹ; bị cáo Trần Thị T có bố đẻ là thương binh và đang thờ cúng liệt sỹ, có cậu ruột là liệt sỹ. Vì vậy bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán trái phép hóa đơn là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, đồng thời xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi Ngân sách Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này của các bị cáo là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng

xét xử thấy: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục và phòng ngừa C trong xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại XNK Tuấn N” đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Tuấn N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Huyền N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Bán hàng qua điện thoại” thu giữ của Lưu Huyền N, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo N là đại diện theo pháp luật của công ty TNHH thương mại Tuấn N.

- Đối với 01 hộp dầu khi đóng ra dầu màu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Quân N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Ngọc Hưng” thu giữ của bị cáo Lưu Huyền N là của Công ty TNHH thương mại Quân N, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho ông Lưu Ngọc Hưng là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Quân N.

- Đối với 01 bộ máy tính để bàn nhãn hiệu Samsung; 01 máy in nhãn hiệu Canon mã L11121E đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của N dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính là 310.206.309 đồng (làm tròn 310.206.000 đồng) do Lưu Huyền N đã giao nộp là tiền N thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 20 hóa đơn giá trị gia tăng là vật chứng của vụ án sẽ được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về tình tiết khác của vụ án:

- Đối với chị Nguyễn Thị H là kế toán công ty TNHH Thương mại Hưng Thịnh 68 đã thông qua Trần Thị T mua 05 hóa đơn có ghi nội dung với số tiền thuế giá trị gia tăng là 242.306.180 đồng để thực hiện việc kê khai thuế cho công ty TNHH Thương mại Hưng Thịnh 68, chị H không được hưởng lợi gì từ việc mua hóa đơn và số lượng hóa đơn dưới 10 số nên hành vi của Nguyễn Thị H không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Đối với anh Bùi Đức T là giám đốc công ty Bùi Gia đã liên hệ trực tiếp với Lưu Huyền N mua 02 hóa đơn có ghi nội dung với số tiền thuế giá trị gia tăng là 7.788.109 đồng để thực hiện kê khai cho công ty Bùi Gia, anh T không được

hưởng lợi gì từ việc mua hóa đơn và số lượng hóa đơn dưới 10 số nên hành vi của anh Bùi Đức T không đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Đối với chị Nguyễn Quỳnh H là kế toán của công ty TNHH Thương mại Tuấn N, bản thân chị H không biết các hoạt động cụ thể giữa công ty TNHH Thương mại Tuấn N với các công ty khác diễn ra như nào, H không tham gia vào các hoạt động bán hàng của công ty TNHH Thương mại Tuấn N. Các giao dịch chuyển tiền do H thực hiện là theo yêu cầu của Lưu Huyền N, H không biết mục đích các giao dịch chuyển tiền. Do vậy chị Nguyễn Quỳnh H không đồng phạm với Lưu Huyền N về hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

- Đối với chị Trương Thị Phương T là nhân viên thời vụ của công ty TNHH Thương mại Tuấn N đã thực hiện việc chuyển tiền trả lại cho anh Bùi Đức T theo sự chỉ đạo của Lưu Huyền N nhưng không biết việc mua bán hóa đơn giữa công ty Bùi Gia và công ty TNHH Thương mại Tuấn N. Do vậy chị Trương Thị Phương T không đồng phạm với Lưu Huyền N về hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

- Đối với anh Lại Xuân H là Giám đốc công ty TNHH Thương mại Hưng Thịnh 68 và anh Nguyễn Thế P là Giám đốc công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy không liên hệ với công ty TNHH Thương mại Tuấn N để mua hóa đơn, các nội dung công việc thực tế đã giao cho kế toán và nhân viên trực tiếp thực hiện, không biết nhân viên của mình mua hóa đơn để hợp lý các giao dịch của công ty. Do vậy hành vi của anh Lại Xuân H và anh Nguyễn Thế P không cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 203 (đối với bị cáo C); điểm đ khoản 2 Điều 203 (đối với bị cáo N và T); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 35 (đối với tất cả các bị cáo); điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo N); điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo C); khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo T) của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố các bị cáo Lưu Huyền N, Trần Thị T, Đào Bá C phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2/ Xử phạt các bị cáo:

- Lưu Huyền N 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.
- Trần Thị T 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.
- Đào Bá C 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước.

3/ Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 bộ máy tính gồm 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Samsung, 01 cây máy tính vỏ màu đen, bàn phím, chuột cùng các dây cắm; 01 máy in nhãn hiệu Canon mã L11121E đã qua sử dụng và số tiền 310.206.000đ (ba trăm mười triệu, hai trăm linh sáu nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại XNK Tuấn N”.

- Trả lại bị cáo Lưu Huyền N là đại diện theo pháp luật của công ty TNHH thương mại Tuấn N: 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Tuấn N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Huyền N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Bán hàng qua điện thoại”.

- Trả lại ông Lưu Ngọc H là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại Quân N: 01 hộp dầu khi đóng ra dầu màu đỏ có thông tin “Công ty TNHH Thương mại Quân N”; 01 hộp dầu khi đóng ra dầu đỏ có thông tin “Giám đốc Lưu Ngọc H”.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 11/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý và Ủy nhiệm chỉ số 18 lập ngày 17/4/2024).

- Tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án: 20 hóa đơn giá trị gia tăng làm căn cứ giải quyết vụ án.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lưu Huyền N, Trần Thị T, Đào Bá C, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QL, NVLQĐVA;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Xuyên**